TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ- ST
Ngày 15-3-2024
V/v ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàn Văn Khiếu
- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16-02-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01-3-2024 giữa;

Nguyên đơn: Chị Hà Thị X, sinh năm 1992- Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Làng S, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Tăng Ngọc H, sinh năm 1991- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Làng S, xã M, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị X trình bày: Chị X và anh Tăng Ngọc H kết hôn với nhau ngày 04-01-2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Sau khi kết hôn chị X và anh H chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình, làng xóm láng giềng hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh H không hàn gắn được. Chị X và anh H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022.

Nay chị X xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị X và anh H có hai con chung tên là Tăng Ngọc N, sinh ngày 25-9-2013 và Tăng Thiên Â, sinh ngày 24-5-2019. Sau khi ly hôn chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tăng Ngọc N, nhất trí để anh H trực tiếp nuôi cháu Tăng Thiên Â, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82 ,83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị X được ly hôn anh H; giao cháu Tăng Ngọc N, sinh ngày 25-9-2013 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Tăng Thiên Â, sinh ngày 24-5-2019 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng; chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Hà Thị X và anh Tăng Ngọc H kết hôn với nhau ngày 04-01-2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị X và anh H chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị X và anh H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022. Tại phiên tòa chị X vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị X xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Đối với anh H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần anh H đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh H biết việc chị X xin ly hôn nhưng anh H không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 31-01-2024 ở Thôn Làng S, xã M, huyện L, tỉnh Y nơi chị X và anh H cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị X và anh H đã sống ly thân từ tháng 4-2022. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị X và anh H là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị X được ly hôn anh H.

[4] *Về con chung*: Chị X và anh H có hai con chung tên là Tăng Ngọc N, sinh ngày 25-9-2013 và Tăng Thiên Â, sinh ngày 24-5-2019. Tại phiên tòa chị X vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tăng Ngọc N, nhất trí để anh H trực tiếp nuôi cháu Tăng Thiên Â, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do mặc dù anh biết việc chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tăng Ngọc N, nhất trí để anh H trực tiếp nuôi cháu Tăng Thiên Â, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh H không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 31-01-2024 ở Thôn Làng S, xã M, huyện L, tỉnh Y cũng xác nhận: Cháu N hiện nay đang sống cùng bà Phạm Thị B mẹ đẻ của anh H là bà nội của cháu N, Cháu Â sống cùng Anh H làm ở công ty Goldenend tại Hà Nội. Về mức thu nhập: Chị X làm ở công ty chuyển phát nhanh tại Hà Nội có mức thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Anh H làm ở công ty Goldenlend tại Hà Nội trên 10.000.000 đông/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị X và anh H là tương đương nhau. Cháu N, sinh ngày 25-9-2013 trên bảy tuổi có nguyện vọng được sống cùng chị X; cháu Â, sinh ngày 24-5-2019 trên 36 tháng tuổi đang sống theo anh H ở công ty Goldenend tại Hà Nội. Do đó yêu cầu của chị X được trực tiếp nuôi cháu N, để anh H trực tiếp nuôi cháu Â là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực thực tế được chấp nhận. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu N cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Â cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Hà Thị X được ly hôn anh Tăng Ngọc H.

2- Về con chung xử: Giao giao cháu Tăng Ngọc N, sinh ngày 25-9-2013 cho chị Hà Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Tăng Thiên Â, sinh ngày 24-5-2019 cho anh Tăng Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Hà Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001609 ngày 08-01-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị X, anh Tăng Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã Minh Tiến
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh